

NHÂN VẬT NỮ TRONG TIỂU THUYẾT CÁC NHÀ VĂN NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI TỪ GÓC NHÌN GIỚI

Nhận bài:

02 – 02 – 2019

Chấp nhận đăng:

25 – 03 – 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Thị Ngân

Tóm tắt: Nhân vật văn học là phương diện thể hiện quan niệm nghệ thuật và lí tưởng thẩm mĩ của nhà văn về con người. Trong tiểu thuyết đương đại Việt Nam, các nhà văn nữ đã khắc họa một thế giới nhân vật như là một mã nghệ thuật để khẳng định nữ quyền. Ở đó, người phụ nữ trở thành đối tượng thẩm mĩ trung tâm. Dấu ấn nữ quyền trong tiểu thuyết nữ thể hiện ở việc gìn giữ và khẳng định được cá biệt nữ, sự sáng tạo khác biệt trong tương quan với “nam quyền”. Từ góc nhìn giới, với sự hóa thân, các nhà văn nữ thấu cảm bi kịch phụ nữ, chối bỏ định kiến giới - nguyên nhân của bất bình đẳng giới, đồng thời khẳng định thiên tính nữ và khẳng định bình quyền.

Từ khóa: nhân vật nữ; giới; văn hóa duy dương vật; thiên tính nữ.

1. Mở đầu

Nếu *giới tính* (Sex) là khái niệm chỉ những khác biệt sinh lí căn bản nhất có tính bẩm sinh, tương đối ổn định giữa nam và nữ thì *giới* (Gender) “là thuật ngữ chỉ vai trò xã hội, hành vi ứng xử xã hội và những kì vọng liên quan đến nam và nữ” [15, tr.41]. Nói cách khác, giới là sản phẩm của kiến tạo xã hội mà nội hàm của nó phản ánh những đặc thù văn hóa. Với tính chất đó, khái niệm giới tính dễ đi đến sự thống nhất, còn khái niệm giới vẫn luôn được bổ sung, đôi khi xuất hiện những quan điểm trái chiều. Từ phạm trù giới, các nhà nghiên cứu xã hội học đã xác định bản sắc giới (được cụ thể hóa bằng những đặc điểm của nam tính và nữ tính), vai trò của giới và đặc biệt là định kiến giới - nguyên nhân của bất bình đẳng giới.

Ở Việt Nam, sau 1986, hiện tượng “nở rộ” các cây bút nữ đã làm phong phú thêm diện mạo văn học đương đại. Bước chân vào địa hạt của tiểu thuyết - thể loại được xem là “cỗ máy cái” - các nhà văn nữ đã chứng tỏ được sức sáng tạo, khả năng chiếm lĩnh đời sống ở diện rộng. Dẫu còn nhiều ý kiến chưa thống nhất về giới

trong sáng tác, trong phân biệt lối viết, nhưng thực tiễn cho thấy, khi người phụ nữ cầm bút, dù muốn hay không thì ý thức giới vẫn hiện hữu trong mỗi trang viết của họ. Bản sắc nữ đậm nhạt ở nhiều mức độ khác nhau qua lối viết, qua cách lựa chọn và khắc họa nhân vật... Ở đó, người phụ nữ trở thành đối tượng thẩm mĩ trung tâm. Các cây bút nữ đã khẳng định vị thế của văn học nữ với nhiều tác phẩm đậm sắc thái nữ quyền. Tinh thần nữ quyền không đơn thuần là việc đấu tranh đòi bình đẳng cho giới nữ, mà còn thể hiện ở việc gìn giữ và khẳng định được cá biệt nữ, sự sáng tạo khác biệt trong tương quan với “nam quyền”. Các nhà văn nam cũng thể hiện thái độ đề cao, khẳng định vẻ đẹp nữ tính và khẳng định người phụ nữ là nhân tố trung tâm trong cái nhìn hướng thiện, phục thiện (tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh, Ma Văn Kháng, Bảo Ninh, Hồ Anh Thái,...). Tuy vậy, nhìn chung, nhân vật nữ trong sáng tác của các cây bút nam vẫn là những khách thể thẩm mĩ, được nhào nặn từ trường nhìn nam giới. Từ góc nhìn giới, với sự hóa thân, các nhà văn nữ thấu cảm bi kịch phụ nữ, khẳng định thiên tính nữ và khẳng định bình quyền. Từ góc nhìn giới, chúng tôi quan tâm đến định kiến giới và bản sắc giới được các nhà văn nữ gửi gắm qua nhân vật trung tâm. Những biểu hiện của ý thức nữ quyền trong tiểu thuyết các cây bút nữ đương đại được thể hiện qua các kiểu dạng nhân vật đặc thù.

*Tác giả liên hệ

Nguyễn Thị Ngân

Nghiên cứu sinh Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

Email: kimngan271186@gmail.com

2. Nội dung

2.1. Nhân vật nữ với những bi kịch từ góc nhìn giới

Phụ nữ - nạn nhân của nền văn hóa “dương vật”

Phê bình nữ quyền với tính chất năng động về lí thuyết đã đâm nhánh theo nhiều hướng khác nhau với mục đích đấu tranh cho bất bình đẳng giới, xác lập đặc trưng giới nữ. Trong đó, hệ thống lí thuyết phân tâm học của Freud với những “lỗ hổng” ở cách đánh giá về bản chất và đặc điểm tính dục nữ đã tạo ra làn sóng tấn công dồn dập ở các nhà phê bình nữ quyền. Đề cao nam giới và tính dục nam, Freud cho rằng, phụ nữ là những người đàn ông bất toàn (imperfect men), mắc chứng “ghen tị dương vật” và luôn mang mặc cảm bị thiếu hụt. Những phân tích của các nhà phân tâm học đã củng cố vững chắc hơn vị trí thống trị của nam giới và tiếp tục đẩy người phụ nữ xuống hàng thấp kém. Phản biện lại điều này từ những dữ kiện sinh học và đặc điểm giới, S.Beauvoir cho rằng: “Thế giới này bao giờ cũng thuộc về con đực: theo chúng tôi, không một lí do nào người ta nêu lên để biện hộ cho hiện tượng ấy là thỏa đáng” [3, tr.77].

Văn hóa dương vật hay dương vật trung tâm (center penis) là biểu hiện của sự thống trị nam giới. Ở đó, người đàn ông được coi trọng và có vị trí cao hơn người phụ nữ trong mọi lĩnh vực. Quan niệm này đã tước đi quyền lợi và quyền lực của người phụ nữ trong xã hội. Nó biến người phụ nữ thành nạn nhân của sự mặc cảm về vị trí thứ yếu của mình, biến họ thành những con người thụ động.

Nằm trong vùng văn hóa Hán, ở Việt Nam, trong nhiều giai đoạn, chúng ta quan niệm coi nam giới là trung tâm đã ràng buộc cuộc sống của người phụ nữ. Trong thế kỉ mới, dẫu tiểu thuyết các nhà văn nữ luôn hướng đến xây dựng hình ảnh những người phụ nữ hiện đại, có khát vọng về hạnh phúc cá nhân nhưng đâu đó vẫn còn những số phận bị kiểm tỏa bởi vị trí gia trưởng của người đàn ông. Nhiều tác phẩm đã nhân danh tiếng nói đàn bà trong thời đại mới để phê phán hệ quả của *văn hóa dương vật*. Ở vị trí “giới thứ hai”, nhân vật nữ là nạn nhân của tư tưởng trọng nam khinh nữ. Câu chuyện về những thân phận đàn bà bất hạnh trong gia đình Chín (*Tiền định*) bắt nguồn từ nỗi ám ảnh không sinh được con trai. Nỗi lo không ai mủi, không ai cứng gỏi đè nặng, ám ảnh đến cả những hồn nhiên tuổi thơ của Chín: “Sao mình không mọc chim thành con trai cho mẹ vui?” [12, tr.57]. Văn hóa dương vật đã cảm

rễ sâu đến mức người ta không còn nhận ra sự tồn tại vô lí của nó. Bị đẩy ra vị trí ngoài lề với tư cách “giới thứ hai”, người phụ nữ mất tiếng nói trong chính gia đình và cuộc sống của mình. Người cha trong *Thế giới xô lệch* (Bích Ngân) là người làm chủ gia đình. Tính gia trưởng, sự nghiêm khắc, bảo thủ của ông đã đẩy dần khoảng cách giữa những người thân yêu. Lối sống ấy khiến người vợ thu mình cam chịu, “tì mẩn se thất từng nuốt” để kết nối mọi thứ ngày càng vênh lệch trong gia đình. Nhưng “mọi thứ đều có giới hạn của nó. Ba tôi đã đẩy sự chịu đựng nơi má đến giới hạn cuối cùng. Giới hạn đó, má tôi, chỉ sau một khoảnh khắc đã biến bà thành người đàn bà đi quá đà cảm xúc, đẩy bà vào cuộc đọ sức mà bà không còn cách lẩn tránh.” [13, tr.61].

Xem người đàn ông là trung tâm, là trụ cột đã ăn sâu vào tâm thức của nhiều người, kể cả những người phụ nữ. Cùng với định kiến, hình ảnh người đàn ông là biểu tượng cho sự an toàn, là “căn cước” cho sự tồn tại của những người phụ nữ. Về vấn đề này, Y Ban là nhà văn viết sâu sắc và đầy ám ảnh. Không thể có con, đó không phải lỗi của Xuân (*Xuân Từ Chiều*), nhưng bố mẹ Tuấn không nghĩ thế. Với họ, không có con là lỗi của người phụ nữ. Trách nhiệm của người phụ nữ phải sinh con cho nhà chồng để có người nối dõi, nếu người vợ không sinh được con thì chồng phải bỏ: “Đàn bà là đất, đàn ông là hạt giống. Đàn bà phải là đất phù sa màu mỡ chứ, đất này lại là đất phèn chua thì sao mà giống nó mọc được” [1, tr.86]. Cái nhìn thiên kiến đã đẩy cuộc sống hôn nhân vốn hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ đến bên bờ vực. Trong tiểu thuyết nữ, mỗi nhân vật nữ một hoàn cảnh nhưng họ đều là nạn nhân của chế độ nam quyền còn tồn tại những quan điểm hủ lậu. Vì vậy, thiên về bi kịch đàn bà để đánh thức tinh thần giới trở thành cảm hứng chủ đạo trong tiểu thuyết nữ đương đại.

Phụ nữ - nạn nhân của hủ tục và định kiến xã hội

Không phải ngẫu nhiên mà người phụ nữ truyền thống không tìm được vị trí của mình trong xã hội, rơi vào tình trạng “mất tiếng nói”. Những bức tường vô hình của quan niệm xã hội bắt nguồn từ sự khác biệt giới tính đã đẩy người phụ nữ vào vai trò của kẻ “thứ yếu”. Trong *Sinh lí học về hôn nhân*, H. Balzac - tượng đài của chủ nghĩa hiện thực - từng hô hào: “Tạo hóa sinh ra họ là để chúng ta sử dụng, và để gánh chịu tất cả: con cái, phiền muộn, đòn roi và hình phạt của đàn ông!” [4, tr.229]. Trải qua một thời gian dài, những

quan niệm ấy trở thành vô thức tập thể, trói buộc người phụ nữ, tạo ra những thành kiến xã hội kìm hãm quá trình đấu tranh để tiến tới bình đẳng giới. Suốt nhiều năm, phụ nữ chấp nhận điều đó cho đến khi Simone de Beauvoir, rồi Betty Friedan phản ứng, khẳng định quan niệm ấy đã giam hãm giới nữ bởi chính những đặc trưng giới tính ở họ: “Phụ nữ phải nghe giọng nói truyền thống và ngụy biện kiểu Freud nhai đi nhai lại rằng, họ không thể khao khát số phận nào hơn là tự hào với nữ tính của mình” [6, tr.29]. Nhà nữ quyền Pháp S. Beauvoir đã chứng minh rằng, cùng với tiến trình lịch sử của nhân loại, người phụ nữ phải gánh chịu ngày càng nhiều những bất công và định kiến.

Có xuất phát điểm là văn hóa Mẫu hệ, nhưng hơn mười thế kỉ Bắc thuộc khiến Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Khổng, Nho - nền văn hóa đã cột chặt cuộc đời người phụ nữ bằng sợi dây cương tủa của tam tòng, tứ đức. Định kiến xã hội vì thế cũng tạo ra một bầu không khí ngột ngạt hơn cho cuộc đời của những người phụ nữ. Sau này, những đổi thay của thời đại cùng với tiến bộ xã hội đã nới lỏng tự do cá nhân cho nữ giới. Trong hoàn cảnh đó, họ ráo riết đi tìm lại chính mình, quyết liệt trong việc lựa chọn hạnh phúc cá nhân và đi đến tận cùng cảm xúc. Nhưng cũng chính lúc đó họ nhận ra rằng, định kiến của xã hội vẫn đuổi theo họ, tạo ra những “đòn” quyết định cho số phận khiến đôi khi bước chân đến với tự do cá nhân, hạnh phúc như chùn lại. Phản ánh cuộc sống, số phận của những người phụ nữ hiện đại, các nhà văn nữ đã thể hiện cái nhìn đa chiều về cuộc đời. Đặt những đam mê, khát vọng, tình yêu, gia đình... giữa bộn bề cuộc sống, các cây bút nữ đã chứng minh rằng, cuộc sống của người phụ nữ hiện đại vẫn bị bủa vây bởi những quan niệm cũ. Tiểu thuyết nữ đã xây dựng thành công những nhân vật là nạn nhân của định kiến xã hội. Cái nhìn về sự tòng thuận không dễ dàng vì “hôn nhân là phương tiện duy nhất để hòa nhập vào cộng đồng, và nếu bị bỏ rơi, thì họ là những thứ phế thải về mặt xã hội” [4, tr.13]. Viết ra từ những trải nghiệm của bản thân, Dạ Ngân (*Gia đình bé mọn*) kể về hành trình bỏ chồng dài đằng đẵng của Tiệp mà rào cản đầu tiên chính là những người trong gia đình. Một gia đình mà trên dưới năm người góa bụa, ở vậy thì làm sao có thể chấp nhận cho Mỹ Tiệp phá hủy truyền thống, làm ô uế thanh danh của họ? Thời đại đã mở cửa nhưng dường như Tiệp vẫn không thể thoát khỏi định kiến xã hội mà có quá nhiều người sẵn sàng lên tiếng

nhân danh cho nó. Trong tiểu thuyết *Trong nước giá lạnh*, định kiến xã hội nặng nề đè nặng lên số phận người phụ nữ được Võ Thị Xuân Hà thể hiện sâu sắc. Là kết quả của sự chiếm đoạt, cưỡng bức tình dục, Niệm có tội gì? Vậy mà cô không sao có được cuộc sống như những người con gái bình thường khác. Cuộc sống của cô chỉ quẩn quanh trong cõi cô đơn và không thôi day dứt về nguồn cội của mình. Một người con gái mà “đàn ông ai cũng dễ phải lòng nó. Nhưng rồi ai cũng bỏ mặc nó...” [10, tr.29]. Định kiến xã hội thường bắt nguồn hoặc kéo theo định kiến giới. Điều đó lí giải vì sao với sự thua thiệt vốn có về vị trí xã hội, người phụ nữ là những người chịu hậu quả nặng nề hơn cả từ những định kiến. Xã hội không chấp nhận những người phụ nữ thất tiết, càng không chấp nhận những người phụ nữ làm nghề “bán tròn nuôi miệng”. Vấn đề này đặt ra nhưc nhối trong tiểu thuyết của Thủy Anna (*Thoát y dưới trăng*). Điều đó diễn ra tương tự với cuộc đời của cô thanh niên xung phong từng là “hoa khôi đại đội” (*Ga kí ức* của Phong Điệp). Chiến tranh lấy đi của cô gái ấy tất cả những gì đẹp nhất của thanh xuân nhưng cuộc đời lại trả cho cô sự ghẻ lạnh, xa lánh, cô độc. Dây neo duy nhất giữ người đàn bà ấy với cuộc đời là đứa con không cha mà cô nghiêm rằng chịu điều tiếng để có được nhưng chính miệng lưỡi thiên hạ đã nhiều lần dẫn người đàn bà ấy ra cạnh bờ giếng.

Cùng với định kiến xã hội, những hủ tục cấm rề trong đời sống văn hóa, tinh thần của con người cũng quyết định số phận của nữ giới. Viết về những người đàn bà miền núi, suốt đời đi theo đuôi ngựa nhà chồng, tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy có nhiều mảnh đời đàn bà bất hạnh vì định kiến. *Lặng yên dưới vực sâu* là tiểu thuyết khiến người đọc day dứt, ám ảnh hơn cả về số phận của thanh niên miền núi trong cuộc sống vẫn còn tồn tại niềm tin mù quáng vào thần quyền. Ngòi bút của Đỗ Bích Thúy đặc biệt lách sâu vào tâm hồn người phụ nữ đáng thương để thấy cả một trời giông bão đằng sau vẻ ngoài calm lặng. Có thể nhận thấy định kiến và những hủ tục còn tồn dư trong xã hội hiện đại là cái hố ngăn cách người phụ nữ với bình quyền và hạnh phúc cá nhân. Nam giới đã kiến tạo để nó trở thành vô thức tập thể và đi vào đời sống, tồn tại một cách cố hữu. Cô gái đẹp nhất thung lũng Lao Chải (*Bóng của cây sồi*) bị bọn phi thay nhau hãm hiếp đến có con. Điều đó lại trở thành cái tội của người con gái, bởi quan niệm “sinh đẻ chỉ được kính trọng ở người phụ nữ có chồng. Người

phụ nữ không chồng mà có con là một sự ô nhục và đưa con là một nỗi ám ảnh nặng nề” [4, tr.20]. Với cái nhìn thức tỉnh giới tính, nhân vật nữ trong tiểu thuyết các nhà văn nữ không còn xuất hiện với những mẫu hình thụ động, yên phận. Họ đã biết lên tiếng, đã phản kháng, đã nổi loạn để chống lại hoàn cảnh trói buộc mình. Nhưng dường như, không phải ai cũng cũng có thể vượt qua điều đó khi mà định kiến không phải là cái dễ dàng tháo bỏ khỏi nếp nghĩ và tiềm thức của cộng đồng. Hành trình người phụ nữ khẳng định mình, hướng tới tự do cá nhân chưa thể dừng lại, họ còn phải vượt qua nhiều khó khăn để sống một cuộc sống đích thực cho chính mình. Qua hình tượng nhân vật, cất lên tiếng nói phá bỏ hủ tục, định kiến ngàn đời bám rễ, các nhà văn nữ đã góp phần làm cho cuộc sống nhân đạo hơn.

2.2. Về đẹp của thiên tính nữ từ góc nhìn giới

“Người ta không phải sinh ra là phụ nữ: người ta trở thành phụ nữ” [3, tr.245]. Nữ giới là một kiến tạo xã hội, so với nam giới, họ là một “cái khác” nhưng là cái khác mang bản sắc và có ý nghĩa với sự tồn tại nhân loại: “Đàn ông là một con người hữu tính (sexué); phụ nữ chỉ có thể là một cá thể trọn vẹn và bình đẳng với nam giới nếu bản thân họ cũng là một con người hữu tính. Khước từ nữ tính, cũng tức là khước từ một phần nhân tính của chính mình” [4, tr.370]. Trở về với thiên tính nữ cũng là trở về với những gì chất phác, hồn nhiên và tràn đầy sức sống của thuở ban sơ xã hội loài người. Khi nữ giới trở thành trung tâm phản ánh trong tiểu thuyết các cây bút nữ, vẻ đẹp nữ giới lại hiện hữu với phẩm chất mang giá trị tái sinh mọi thời. Từ đó, những vẻ đẹp của ngàn năm xưa lại trở về qua thiên tính nữ. Nó đã và đang trở thành những khát khao nghệ thuật mà những người cầm bút hướng đến. Trở về nương náu và ca ngợi thiên tính nữ không phải đặc quyền của riêng ai. Với cái nhìn trân trọng và đầy yêu thương, một số cây bút nam đã dành sự quan tâm tới vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của các nhân vật nữ, cả những khát khao bản năng rất “đàn bà”. Trong *Miền hoang, Đồi con gái*, nhân vật nữ của Sương Nguyệt Minh phô bày thân xác như một hành vi nổi loạn; *Người đàn bà trên đảo* của Hồ Anh Thái lại là sự khám phá, phát hiện đến tận cùng cái nhu cầu bản năng đang bị đè nén của những người phụ nữ khi bị tách biệt khỏi thế giới đàn ông. Trong tiểu thuyết nữ đương đại, tinh thần “nổi loạn” cũng nảy sinh từ ý thức về thân thể trước những ràng buộc hữu hình và vô

hình. Nhưng hơn ai hết, dự phần “cái tôi” cá nhân vào quá trình xây dựng hình tượng nhân vật nữ, những người viết cùng giới đã làm tỏa sáng được thiên tính nữ. “Xác tín cá biệt nữ” cũng là cách để khẳng định bình quyền, mà việc khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của thiên tính nữ chính là phương tiện hữu hiệu nhất.

Nếu như các quan điểm truyền thống cố gắng giữ những nét đẹp đó trong những chuẩn mực đạo đức, buộc người phụ nữ phải luôn kín đáo, giữ mình và che giấu đi vẻ đẹp của cơ thể, thì các cây bút nữ đương đại lại dành cho các nhân vật nữ của mình một “quyền loạn”. Nếu văn học cổ ước lệ hóa, trừu tượng hóa vẻ đẹp của người phụ nữ thì việc miêu tả trực diện thân thể người phụ nữ trong tiểu thuyết nữ đương đại trở thành một phương diện để nhà văn khẳng định đặc tính giới. *Tiểu thuyết đàn bà* của Lý Lan được mở ra bằng nét đẹp phồn thực đàn bà. Vẻ đẹp man dại, tự nhiên của bà Tô Mọi giữa chốn rừng sâu trở thành trung tâm của sự miêu tả và làm nghiêng ngả bức tường thành cấm kỵ vốn hằn sâu trong đầu óc người đàn ông thuộc về một nền văn minh khác: “Con đàn bà trần trụi (...). Con đàn bà bình thân hất tóc ra sau lưng, hơi ưỡn ngực lên, hai vú căng và đứng...” [11, tr.6]. Tinh thần nữ quyền trong tiểu thuyết Võ Thị Xuân Hà bộc lộ ở ý thức về vẻ đẹp thân thể của nhân vật nữ khi họ biến nó thành sức mạnh giới. Vẻ đẹp đầy cá tính, cuốn hút của Phương Nam khiến bao người mê mẩn, bao kẻ lầm đường: “Đi xe Dylan, hút thuốc lá, mặc áo hai dây...Cái gì cũng lồ lộ ra” [9, tr.79]. Vẻ đẹp của cô gái mười sáu tuổi được “trung bày” giữa thiên nhiên: “Cái eo lưng thõm xuống cỏ. Bộ ngực được cô che đậy đi rất nhiều, chỉ có thể nhìn thấy chút ít da thịt màu hồng phật phồng thờ... Một cơ thể con gái căng đầy và hào phóng quyến rũ ban tặng.” [10, tr.99]. Ý thức về vẻ đẹp của mình, người con gái ấy phản ứng với những định kiến đã ngăn cản cô đến với tình yêu, hạnh phúc bằng niềm kiêu hãnh và tự hào nữ giới: “Năm ấy tôi vừa tròn mười sáu tuổi. Tôi biết mình là một cô gái đẹp. Người trong làng nhìn tôi bằng con mắt ganh tị (...). Thực ra chỉ vì họ ghét sắc đẹp của tôi” [10, tr.97]. Tiểu thuyết của Đỗ Bích Thúy có nhiều “bông hoa rừng đẹp”. Nhà văn đã ưu ái khi miêu tả vẻ đẹp ngời ngời xuân sắc của các cô sơn nữ: Mai, Kim (*Bóng của cây sồi*), Súa, Chía (*Lặng yên dưới vực sâu*), Mai (*Cánh chim kiêu hãnh*). Nhưng có lẽ, Vàng Chờ (*Chúa đất*) là người con gái đặc biệt nhất khi có ý thức về vẻ đẹp thân thể, chiều

chuyện bản thân và dám sống hết mình cho xúc cảm đàn bà.

Thiên tính nữ thể hiện rõ trong chiều sâu thế giới tâm hồn của các nhân vật nữ trên cơ sở của những nét đẹp phồn thực mà họ được ban tặng. Đó là tình yêu thương, tấm lòng tận tâm và đặc biệt là khả năng cứu rỗi, mang lại sự sống cho nam giới. Sức mạnh đích thực của nữ tính nằm ở sự thuần khiết, “là một năng lượng sáng ngời và trong trắng, chứa đựng lòng dũng cảm, lí tưởng, lòng nhân ái” [7, tr.708]. Cái đẹp của nhân vật nữ, vì vậy, không chỉ là nét đẹp phồn thực của hình thể mà còn tỏa ra từ tâm hồn thánh thiện. Vẻ đẹp của Nữ tính vĩnh hằng được xem như là “sự tượng trưng cho vẻ đẹp của thượng đế” [7, tr.708] bởi “cái đẹp có khả năng cứu rỗi thế giới” (Dostoevsky). Trong tiểu thuyết của Thủy Anna, để tồn tại với một người không còn niềm tin vào cuộc sống như Di (*Thoát y dưới trăng*) đã là một điều khó khăn. Vậy mà người con gái ấy còn có thể cứu rỗi những thân phận, những mảnh đời đáng thương khác. Sự xuất hiện của người phụ nữ mang lại cân bằng cho cuộc sống, vai trò của họ được nhận ra ở chỗ: “Nếu người phụ nữ biến đi, thì người đàn ông sẽ cô đơn, xa lạ, “không giấy thông hành” trong một thế giới băng giá. Phụ nữ chính là bản thân trái đất được đưa lên đỉnh tốt cùng cuộc sống, là trái đất giờ đây nhạy cảm và vui vẻ; nếu không có phụ nữ, thì trái đất đối với đàn ông chỉ là câm lạng và chết chóc” [3, tr.181]. Phùng trong tiểu thuyết *Ga kí ức* (Phong Điệp) là người đàn ông cảm nhận được nỗi trống vắng đó khi thế giới của anh khuyết một bóng hình. Vào một ngày cô bỗng dung biến mất, thế giới của Phùng là một khoảng trống không thứ vật chất nào bù đắp nổi: “Phùng sợ mỗi sớm mai thức giấc. Sợ cảm giác trống trải. Sợ đối mặt với sự bất lực. Sợ gặp thành phố ồn ã, ninh ních người nhưng hao khuyết một người...” [5, tr.250]. Trần thuật từ điểm nhìn của người đàn ông, Phong Điệp đã cho thấy một thế giới trống vắng, chông chênh của tâm hồn nam giới khi thiếu vắng đàn bà.

Điều kì diệu tuyệt vời và cao đẹp nhất ở năng lượng tái sinh của thiên tính nữ chính là ở tính mẫu, bản năng làm mẹ. Bản năng đó của giới nữ là nguồn cội của sự sống loài người. Làm mẹ là thiên chức cao quý nhất đối với người phụ nữ bởi vì: “Qua sinh đẻ, phụ nữ thực hiện trọn vẹn số phận của mình về mặt sinh học; đây là chức năng “tự nhiên” của họ vì toàn bộ cơ thể phụ nữ hướng về sự lưu truyền nòi giống” [4, tr.132]. Trong tiểu

thuyết nữ sau 1986, nhiều nhà văn đã khẳng định và ngợi ca thiên chức làm mẹ. Niềm tự hào giới tính này được thể hiện đậm nét trong tiểu thuyết Dạ Ngân, Võ Thị Xuân Hà, Lý Lan,... Làm mẹ trước hết là bản năng của người phụ nữ. Khát vọng làm mẹ là khát vọng của nhiều nhân vật nữ, đưa con đối với họ là niềm vui sống. Trong tiểu thuyết *Gió từ thời khuất mặt*, Lê Minh Hà để cho nhân vật “bồ bả” nhưng bộc lộ niềm kiêu hãnh của đàn bà, dẫu có bị phụ bạc, bị mang tiếng “chửa hoang”: “Mặc mẹ chúng nó. Gốc gác con người bao giờ chẳng từ cái lỗ tè của mình mà ra hả con. Đẻ thì nuôi...” [8, tr.270]. Khát vọng làm mẹ ở người phụ nữ thường đi cùng với nỗi đau đớn khi phải chối bỏ một phần thân thể. Trước đây, khi nhìn nhận về vấn đề này, S. Beauvoir cho rằng: “Đàn ông có khuynh hướng đánh giá việc phá thai một cách nông nổi, cho nó chẳng khác gì một trong số nhiều sự rủi ro mà người phụ nữ phải gánh chịu một cách tự nhiên; họ không nghĩ tới những giá trị bao hàm trong đó (...). Để bảo vệ quyền tự do của mình, để khỏi làm thiệt hại tương lai của mình, và vì quyền lợi nghề nghiệp, đàn ông yêu cầu phụ nữ khước từ cái chức năng về vang của họ” [4, tr.146]. Dù ở hoàn cảnh khác nhau nhưng tất cả các nhân vật nữ khi phải chối bỏ đứa con chưa kịp chào đời đều mang cảm giác đau đớn và sám hối. Nỗi đau của họ đến từ nhiều phía: nỗi đau thể xác, sự kì thị của cộng đồng, sự thờ ơ vô cảm của người đàn ông. Đa phần các nhà văn nữ đều gặp gỡ nhau ở tiếng nói đòi quyền làm mẹ lần tiếng nói bật lên từ nỗi đau (*Tiền định, Nhân gian, Xuân Từ Chiều, Gia đình bé mọn, Tường thành, Blogger...*). Đó là nỗi đau không dễ dàng diễn tả bằng ngôn ngữ và giọng điệu khách quan. Nó chỉ có thể bắt nguồn tiếng nói đồng vọng, thương cảm giới. Tự chối bỏ một phần máu thịt - nỗi đau phá thai là nỗi đau lớn nhất của đàn bà. Đó là nỗi đau cả về thể xác lẫn tâm hồn, là nỗi đau mà ít cây bút nam quan tâm đến. Chủ động bỏ đi cái thai bốn tháng vì hoàn cảnh đặc biệt của chiến tranh, Chín trong *Tiền định* của Đoàn Lê vừa mang nỗi đau đớn về thể xác khi nạo thai chui: “Nàng cắn răng chịu đau đớn”; “Nàng thậm chí chưa được nhìn kĩ đứa con bỏ đi lần ấy. Sau sự khiếp đảm vì thấy cái khối mềm ám tuột ra từ cơ thể mình, nàng kiệt sức nằm lịm” [12, tr.120]. Mặc cảm tội lỗi, nỗi đau ám ảnh Chín trong cả những giấc mơ: “Đứa trẻ đó chính là con của nàng với anh, nhưng nàng đã bỏ rơi họ từ lâu lắm”; “Nước mắt lã chã rơi, nàng lao xuống dòng sông, bơi theo con

thuyền” [12, tr.122]. Cho đến mười năm sau, những đau đớn, cảm giác tội lỗi vẫn đeo bám Chín. Thiên tính nữ làm mẹ không chối bỏ một ai, kể cả những con người lầm lạc trẻ tuổi. Cô bé mười sáu tuổi trong *Tường thành* trở thành người phụ nữ hai lần bất hạnh: làm đàn bà trong thân xác của cô gái điếm khi còn quá trẻ và nổi đau, nổi ám ảnh dai dẳng khi phải bỏ đi đứa bé “không nên có mặt trong đời”. Giọng trần thuật chùng xuống, cảm thương: “Nó rú gào rồi hóa ra ngơ ngẩn ngẩn. Bây giờ cứ ôm cái góc chuôi chôn cái thai nhi mà không chịu ra viện” [9, tr.318]. Có thể khẳng định, làm mẹ là thiên chức cao quý nhất đối với người phụ nữ. Nhìn từ góc độ giới tính, đó là cách để người phụ nữ “xác tín cá biệt nữ” một cách vững chắc theo tinh thần nữ quyền mà không cần phải hô hào để đấu tranh cho bình đẳng giới.

Thiên tính nữ, mẫu tính là giá trị ngàn đời, đồng thời là sức mạnh của người phụ nữ. Viết về điều này nếu như các nhà văn nam thể hiện thái độ ngưỡng mộ, ngợi ca vẻ đẹp tính nữ thì tiểu thuyết nữ còn thể hiện sự thấu hiểu bản năng giới nữ. Cũng với việc khai thác đề tài tính dục, các nhà văn nữ khắc họa sinh động những nhân vật nữ từ góc nhìn con người tự nhiên. Khác với văn học giai đoạn trước, văn xuôi sau 1975 bên cạnh việc xem con người như “tổng hòa của các quan hệ xã hội” thì còn nhìn con người là sản phẩm của tự nhiên. Việc khẳng định nhu cầu tự nhiên, bản năng của con người là cách văn học đi sâu khám phá “con người bên trong con người”. Sự nở rộ xu hướng viết về tính dục, khám phá đời sống bản năng của nhân vật có lúc tưởng như đã bão hòa trong dòng “văn chương thân xác”. Trong bối cảnh đó, những tác phẩm miêu tả đời sống bản năng thuần túy của con người dần bị đào thải, những trang viết soi rọi được bản thể con người với bản năng tự nhiên hoặc những ẩn ức chưa thể giải tỏa đã tỏ ra khả giải vấn đề con người trong hoàn cảnh mới. Bản năng là nhu cầu bẩm sinh, tự nhiên của con người. Khi va chạm với các diễn ngôn đạo đức, văn hóa, truyền thống... không phải bao giờ những nhu cầu ấy cũng được giải tỏa. Khám phá con người bản năng là quá trình văn học phản ánh góc khuất bên trong sâu thẳm của con người, chạm đến phần bản thể tự nhiên nằm ngoài vùng che chắn của ý thức. Con người bản năng thường được biểu hiện rõ nhất ở bản năng tính dục. Trong tiến trình phát triển của phong trào nữ quyền thì nữ quyền hậu cấu trúc đặc biệt khẳng định vấn đề tính

dục nữ, coi đó là nội dung quan trọng của hoạt động nữ quyền.

Cùng với niềm kiêu hãnh về đẹp thân thể, nhân vật trong tiểu thuyết nữ đương đại còn thể hiện bản năng tính dục, phương diện làm nên đặc trưng diễn ngôn nữ quyền. Khai mở những bí ẩn trong tâm thức nữ giới, các nhà văn đã kiến tạo một mật mã ngôn từ riêng để miêu tả hành vi tính dục. Nhân vật ở cấp độ trải nghiệm với việc lột tả những tầng bậc xúc cảm trong hoạt động tình dục. Những rung động và sâu thẳm bản thể của nhân vật thường được miêu tả khá trần trụi trong các sáng tác của Y Ban. Đồng thời, thông qua diễn ngôn nhân vật (*Xuân Từ Chiều*), nhà văn đã thể hiện quan niệm về tính dục một cách khá táo bạo: “Tại sao cái cảm xúc này lại luôn bị che giấu. Một con người có thể nói to trước đám đông, tôi căm thù tội ác dã man, tôi yêu thương con trẻ, tôi đau xót đồng bào thôi bị thiên tai. Chẳng có người nào dám nói trước đám đông rằng, tôi ngủ với chồng tôi rất khoái” [1, tr.246]. Để nhân vật nữ lên tiếng cho cách nhìn của mình, Y Ban đã góp thêm một tiếng nói nữ quyền sâu sắc. Hòa trong dòng văn chương tính dục, *Tiểu thuyết đàn bà* với việc nối kết các thể hệ đàn bà trong cùng dòng họ ở các nền văn minh cách xa đã khẳng định bản năng nguyên thủy của người phụ nữ. Hàng trăm năm trước, trong thế giới nguyên sơ của mình, bà Tổ Mọi đã sống phần bản năng hồn nhiên nhất khi “con đàn bà gửi ngay được mùi đồng loại và tìm tới. Nó lặng lẽ lẫn quần bên ông một thời gian đủ để cảm nhận ông là đồng loại không nguy hiểm, là con đực mà nó ưng chịu (...). Và một đêm khi ông day trở liên tục trong cái bông cây, con đàn bà chui vào bông, nằm xuống bên cạnh” [11, tr.24]. Cho đến Thoa, dù trải qua nhiều đau khổ, mất mát trong cuộc đời nhưng những khao khát nếm trải, những hưng phấn tình dục sâu xa trong tâm hồn chị luôn trỗi dậy: “Chị nhận ra lần đầu tiên trong cơn ham muốn căng da thịt hai người. Lúc đó chị nghĩ không cần gì khác nữa, sống chết cũng không thành vấn đề nữa. Chị nhắm mắt lại, phó thác mình cho anh” [11, tr.9]. Dù ở thời đại nào, nền văn minh nào, tính dục luôn là phần quan trọng trong đời sống nữ giới, là biểu hiện sức mạnh tiềm ẩn sâu xa của bản năng đàn bà.

Ý thức giới, tinh thần nữ quyền không còn dừng lại ở sự lựa chọn một cuộc sống tự do, giải thoát bản thân khỏi hôn nhân nhằm chán mà xa hơn, tinh thần đó đã

tiến đến việc mở ra đến tận cùng những thỏa mãn khát khao. Chế giễu hay lên án nhu cầu bản năng của con người là người cảm bút chối từ con người bên trong con người bởi “dục tính là nhân tính”. Nhưng cổ súy hành động thả nổi bản thân cho những đòi hỏi của bản năng cũng là cách nhà văn hạ thấp phần người trong mỗi con người. Vì vậy, rất cần những trang viết chạm tới mỹ học tính dục. Bởi khai mở đời sống tính dục nữ là một phương thức tấn công vào định kiến giới, nói lên tiếng nói cá nhân để khẳng định vị thế trên hành trình đấu tranh cho bình đẳng giới.

3. Kết luận

Đặt nhân vật nữ ở vị trí trung tâm của trần thuật, các nhà văn đã thể hiện số phận còn nhiều thiệt thòi của nữ giới khi họ là nạn nhân của các thể chế văn hóa được kiến tạo bởi trật tự nam quyền. Đầu vậy, vẻ đẹp ở người phụ nữ nằm ở sự tỏa sáng của thiên tính nữ. Nét đặc trưng này khiến người phụ nữ có thể tự hào, kiêu hãnh về đặc trưng giới, khẳng định vị trí của mình trong đời sống. Tuy nhiên, khi bênh vực cho người phụ nữ và ca ngợi bản sắc giới, sáng tác của các nhà văn nữ đều ít nhiều biểu hiện cái nhìn thiếu thiện cảm, đôi khi chán nản và mệt mỏi với những hạn chế của người đàn ông. Vì vậy thông qua nhân vật, có những nhà văn công khai chữa mũi nhọn tấn công và tư tưởng nam quyền, đã phá những luật lệ hà khắc, hạ bệ nam giới bằng hình ảnh người đàn ông bất toàn. Chúng tôi thiết nghĩ rằng, bảo lưu những vẻ đẹp của thiên tính nữ, hướng đến sự hòa hợp bản thể nam - nữ là biểu hiện của bình đẳng giới với ý nghĩa cao nhất, vì nói như S.Beauvoir: “Loài người có trách nhiệm làm cho triều đại của tự do thắng lợi trong lòng thế giới. Và muốn thu được thắng lợi tối cao ấy, đàn

ông và đàn bà phải dứt khoát khẳng định tinh thần hữu nghị của họ bằng cách vượt lên trên sự phân hóa tự nhiên giữa nam giới và nữ giới” [4, tr.442].

Tài liệu tham khảo

- [1] Y Ban (2009). *Xuân Từ chiều*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2] Pierre Bourdieu (Lê Hồng Sâm dịch) (2011). *Sự thống trị của nam giới*. NXB Tri thức, Hà Nội.
- [3] Simone de Beauvoir (Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch) (1996). *Giới nữ, tập 1*. NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [4] Simone De Beauvoir (Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch) (1996). *Giới nữ, tập 2*. NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [5] Phong Điệp (2015). *Ga kí ức*. NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
- [6] Betty Friedan (Nguyễn Văn Hà dịch) (2015). *Bí ẩn nữ tính*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [7] Jean Chevalier Alain Gheebant (Phạm Vĩnh Cư chủ biên, dịch) (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. NXB Đà Nẵng.
- [8] Lê Minh Hà (2005). *Gió tự thời khuất mặt*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [9] Võ Thị Xuân Hà (2004). *Tường thành*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [10] Võ Thị Xuân Hà (2008). *Trong nước giá lạnh*. NXB Văn học, Tp Hồ Chí Minh.
- [11] Lý Lan (2008). *Tiểu thuyết đàn bà*. NXB Văn hóa - văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh.
- [12] Đoàn Lê (2010). *Tiên định*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [13] Bích Ngân (2009). *Thế giới xô lệch*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [14] Dạ Ngân (2006). *Gia đình bé mọn*. NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [15] Hoàng Bá Thịnh (2008). *Giáo trình xã hội học về giới*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

FEMALE CHARACTERS IN NOVELS OF COMTEMPORARY VIETNAMESE

FEMALE WRITERS FROM GENDER

Abstract: Literary character is the aspect of expressing the artistic conceptions and aesthetic ideal of the writer about people. In Vietnamese contemporary novels, female writers describe a world of characters as an art code to assert feminism. There, the woman becomes the central aesthetic object. Feminist imprints in female novels represent the preservation and affirmation of special character of women, the difference in creativity in relation to “men’s rights”. From a gender perspective, with the incarnation, female writers empathize with women’s tragedy, deny gender stereotypes - the cause of gender inequality, and state the femininity and their rights.

Key words: female characters; gender; penile culture; female divinity.